

Bản án số: **23/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 10/6/2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính

Ông Vũ Xuân Dư

Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Thúy Lan - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-DS ngày 20/5/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Trần Thị H, sinh năm 2000; nơi cư trú: Khối 1, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** anh Đặng Mạnh Q, sinh năm 1999; nơi cư trú: Xóm 7A Đ, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị H, vắng mặt anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Trần Thị H) kết hôn với anh Đặng Mạnh Q trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2020 tại UBND thị trấn B, huyện K. Sau đăng ký kết hôn vợ chồng chưa tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, chưa chung sống với nhau ngày nào thì đã nảy sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, anh Q thường xuyên có những lời lẽ không hay, xúc phạm chị H và

gia đình chị H. Do không thể tiếp tục hôn nhân, nên ngày 22/4/2021 chị H đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh Q, Tòa án đã hòa giải và hai bên thống nhất về đoàn tụ, chị H đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi chị H rút đơn khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án nhưng anh Q vẫn không quan tâm gì đến mẹ con chị Hoa, vợ chồng vẫn không về chung sống cùng nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Mạnh Q.

Về con chung: chị H xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Trần Anh T, sinh ngày 23/11/2020. Hiện nay cháu T đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản và nợ chung: chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Đặng Mạnh Q, nơi cư trú tại xóm 7A Đ, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Q. Mặc dù anh Q đang có mặt tại nơi cư trú xóm 7A Đ, xã C và anh Q đã nhận được thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với anh, nhưng anh Q không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh:

Chính quyền địa phương thị trấn B, huyện K cung cấp: chị Trần Thị H là công dân của thị trấn B có đăng ký kết hôn với anh Đặng Mạnh Q, sinh năm 1999; địa chỉ xóm 7A Đ, xã C vào tháng 10/2020 tại UBND thị trấn B. Qua năm bắt ở địa phương được biết chị H và anh Q mới chỉ đăng ký kết hôn với nhau, chưa về sống chung và tổ chức đám cưới thì chị H và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể như thế nào thì UBND thị trấn B không biết, chỉ biết năm 2021 chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân với anh Q, nhưng Tòa án đã hòa giải vì vậy chị H đã rút đơn khởi kiện. Đến nay chị H lại tiếp tục có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q. Chị H, anh Q còn trẻ, mong anh chị ấy suy nghĩ lại để nuôi dạy con, nếu chị H vẫn quyết tâm ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp

luật. Về con chung: chị H và anh Q có 01 con chung là cháu Đặng Trần Anh T, sinh ngày 23/11/2020, hiện nay cháu T đang ở với chị H, do cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị H, đề nghị Tòa án xem xét. Về công việc thì anh Q và chị H đều là lao động tự do nên thu nhập thế nào địa phương không nắm được.

Chính quyền địa phương xã C, huyện K cung cấp: anh Q là công dân của địa phương, còn chị Trần Thị H, sinh năm 2001 là công dân thị trấn B, anh chị ấy có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B vào tháng 10/2020. Qua năm bắt tại cơ sở được biết anh Q và chị H mới chỉ đăng ký kết hôn với nhau, chưa về sống chung. Do còn trẻ nên anh chị ấy xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Năm 2021 chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân với anh Q, nhưng Tòa án đã hòa giải vì vậy chị H đã rút đơn khởi kiện, nay chị H lại tiếp tục có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh Q và chị H có 01 con chung là cháu Đặng Trần Anh T, sinh ngày 23/11/2020, hiện nay cháu T đang ở với chị H. Về công việc thì anh Q và chị H đều là lao động tự do nên thu nhập thế nào địa phương không nắm được.

Bà Nguyễn Thị C - mẹ đẻ anh Q cung cấp: anh Q là con trai bà, có đăng ký kết hôn với chị H nhà ở khối 1, thị trấn B vào khoảng năm 2020, nhưng chưa tổ chức đám cưới, chưa chung sống với nhau ngày nào. Bà C không biết nguyên nhân như nào mà các anh chị ấy xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, bà C cũng nói chuyện, khuyên nhủ anh Q, nhưng anh Q nói đó là chuyện của anh chị ấy. Từ khi chị H sinh con đến nay cũng không qua lại nhà bà, bà C cũng mong muốn anh chị ấy suy nghĩ lại vì anh chị ấy còn trẻ. Về con chung: anh Q, chị H có 01 con chung là cháu Đặng Trần Anh T, sinh ngày 23/11/2020, hiện nay cháu đang ở với chị H. Về tài sản chung; anh Q, chị H chưa về chung sống với nhau nên chưa có tài sản chung. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh Q, bà C mong anh chị ấy về đoàn tụ nuôi dạy con cái, nếu chị H vẫn quyết tâm ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị H ly hôn anh Q. Giao con

chung là cháu Đặng Trần Anh T, sinh ngày 23/11/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H; anh Q có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Đặng Mạnh Q, sinh năm 1999; trú tại: xóm 7A Đ, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 20/5/2022 anh Đặng Mạnh Q là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 10/6/2022 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đặng Mạnh Q vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Đặng Mạnh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Đặng Mạnh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2020 tại UBND thị trấn B, huyện K. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh Q và chị H không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Sau khi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vợ chồng không chung sống với nhau, không tổ chức nghi lễ đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến ngày 22/4/2021 chị H đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh Q, Tòa án đã hòa giải và hai bên thống nhất về đoàn tụ, chị H đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi chị H rút đơn khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án nhưng anh Q vẫn không quan tâm gì đến mẹ con chị H, vợ chồng vẫn không về chung sống cùng nhau.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Mạnh Q biết việc chị H lại tiếp tục có đơn xin ly hôn, nhưng anh không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Đặng Mạnh Q là phù hợp.

[3] Về con chung: chị H, anh Q có 01 con chung là cháu Đặng Trần Anh T, sinh ngày 23/11/2020. Hiện nay cháu T đang ở với chị H, chị H có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị H, giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không buộc anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H như sự tự nguyện của chị H là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn anh Q không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Đặng Mạnh Q.
2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Đặng Trần Anh T, sinh ngày 23/11/2020 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Anh Q có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Trần Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004535 ngày 14/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K; chị H đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND TT. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng